

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /CT- UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2026

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2027, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2027 của tỉnh với những nội dung chủ yếu sau đây:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển KTXH năm 2026 và Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2026-2030, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân cấp xã (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2026.

b) Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với năm 2025 về tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2026, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH 06 tháng, ước thực hiện cả năm 2026; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ nguyên nhân chủ quan và khách quan; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để thực hiện thành công Kế hoạch năm 2026.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027

a) Kế hoạch năm 2027 được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, thực chất kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2026, dự báo bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước và trên địa bàn tỉnh, chủ động các giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp. Cần có tầm nhìn, tư duy đột phá để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, khắc phục tồn tại, hạn chế.

b) Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các đề án dự kiến trong năm 2027 phải bám sát, cụ thể hóa các định hướng đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí

thư, Chủ tịch nước và lãnh đạo chủ chốt, các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh gắn với sản phẩm cụ thể, trách nhiệm rõ ràng và đánh giá dựa trên kết quả thực hiện.

Định hướng phát triển tập trung vào: tăng trưởng hai con số gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; nâng cao năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh các đột phá chiến lược; tăng cường hội nhập quốc tế; bảo đảm an sinh xã hội, phát triển văn hóa - xã hội và giữ vững an ninh Tổ quốc.

c) Kế hoạch của các ngành và các địa phương phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch có liên quan, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 và kế hoạch 5 năm của địa phương; thúc đẩy liên kết vùng, phát triển các vùng động lực và cực tăng trưởng của tỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với hệ thống chỉ tiêu về KTXH 5 năm 2026 - 2030 đã đặt ra tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương.

Trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định; đảm bảo tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

đ) Việc tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành, các địa phương và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các sở, ngành, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2026, các sở, ngành và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Cụ thể:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; nêu cả những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 (trong đó có tác động của xung đột tại khu vực Trung Đông).

b) Các địa phương đánh giá tình hình thực hiện theo các chỉ tiêu tăng trưởng, mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân cấp xã về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026.

c) Các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá việc thực hiện mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, việc triển khai các nhiệm vụ được giao (nhất là những nhiệm vụ cần thực hiện ngay trong năm 2026) tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển KTXH năm 2026 và 5 năm 2026 - 2030; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, gồm: 57-NQ/TW, 59-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW, 70-NQ/TW, 71-NQ/TW, 72-NQ/TW, 79-NQ/TW, 80-NQ/TW...; Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 109/NQ-CP và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao theo mẫu tại các phụ lục kèm theo. Đồng thời, nhấn mạnh, làm rõ các nội dung sau:

(1) Các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; kết quả công tác điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá; thu - chi NSNN; điều hành giá; các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí; thu hút FDI; phát triển thị trường tài chính; thúc đẩy thương mại; tạo đột phá các động lực tăng trưởng mới; xây dựng và triển khai chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia...

(2) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; tổng rà soát hệ thống pháp luật; hoàn thiện quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

(3) Đánh giá công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; hiệu quả phân cấp, phân quyền cho cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý tài sản công dư thừa sau sắp xếp; triển khai Kết luận số 210-KL/TW và Nghị quyết số 105/NQ-CP về hoàn thiện tổ chức bộ máy.

(4) Kết quả thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành. Kết quả triển khai các Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị; cơ cấu lại các tổ chức tín dụng...

(5) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng; tiến độ triển khai các dự án quan trọng, trọng điểm, hạ tầng liên vùng, đô thị lớn; rà soát, điều



chính quy hoạch; triển khai Nghị quyết số 70-NQ/TW; phát triển hạ tầng dự trữ quốc gia và hạ tầng năng lượng bảo đảm an ninh năng lượng.

(6) Tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả phát triển Chính phủ số, thực hiện Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia. Tình hình thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71-NQ/TW; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035.

(7) Kết quả đạt được trong công tác phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; kết quả thực hiện Đề án xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội năm 2026. Đánh giá tình hình triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng dân tộc thiểu số, chăm sóc sức khỏe dân số và phát triển văn hóa giai đoạn 2026 - 2035.

(8) Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên; ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Tiến độ triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

(9) Kết quả công tác củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng; tăng cường phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn giao thông. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống ma túy đến năm 2030.

(10) Kết quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế và tình hình triển khai Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; công tác thúc đẩy ngoại giao kinh tế, trọng tâm là ngoại giao công nghệ, ngoại giao đa phương...

(11) Hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027

Các sở, ngành và địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, trong đó tập trung:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; nêu cả những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.



c) Các chỉ tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn: Các sở, ngành và địa phương xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương cần rõ ràng, có định lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm 2026 - 2030 tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, nhất là phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt từ 10% trở lên.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; phối hợp chặt chẽ, linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác; điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến thị trường, kinh tế vĩ mô, lạm phát. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Thúc đẩy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, khai thác mạnh các động lực mới.

- Tập trung đẩy mạnh đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh... Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp. Đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên cơ sở tiến độ, chất lượng công việc, thái độ phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Phát triển mạnh mẽ các thành phần của nền kinh tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết số 68-NQ/TW, 79-NQ/TW và Nghị quyết về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Bộ Chính trị (sau khi được ban hành). Tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ điện tử; đẩy mạnh quản lý tài sản số...

- Tiếp tục đẩy nhanh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH đồng bộ, hiện đại, nhất là các công trình quan trọng, trọng điểm; khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng dự trữ quốc gia, hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng văn hóa, giáo dục...

- Tạo đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Quyết liệt triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 193/2025/QH15 của Quốc hội; đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu, đưa dữ liệu thành tài nguyên.

- Tiếp tục thúc đẩy đột phá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc

hội; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học. Đẩy mạnh phát hiện, thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, 80-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa và nâng cao sức khỏe nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội; tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo...

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín của đất nước. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông chính sách, pháp luật, thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027

1. Dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2027 xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, bảo đảm bao quát, thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2026 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2027; tính toán, lượng hóa cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, bám sát diễn biến tình hình kinh tế, tài chính trong nước và thế giới. Trong đó:

a) Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2027 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) bình quân tăng khoảng 13 - 15% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2027 tăng bình quân khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026.

b) Xây dựng phương án phân chia nguồn thu theo quy định của Luật NSNN

2025, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (NSTW) theo đúng Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương, Nghị quyết số 26/2026/QH16.

c) Toàn bộ số thu từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2027 đảm bảo: (i) Tuân thủ các mục tiêu, giải pháp về tài chính - NSNN tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026; (ii) Tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính; (iii) Phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết số 26/2026/QH16, số 27/2026/QH16 của Quốc hội; (iv) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026 - 2030 và phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2027 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Dự toán chi NSNN năm 2027 có đầy đủ căn cứ chính trị, pháp luật, thực tiễn, cơ sở tính toán rõ ràng, lộ trình triển khai, kết quả dự kiến đạt được, đảm bảo khả thi, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Yêu cầu triệt để tiết kiệm, cắt giảm các nội dung, nhiệm vụ chi không cần thiết, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm dần mức hỗ trợ trực tiếp từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu khá. Đặt hàng các đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện và một số doanh nghiệp đặc thù cung cấp dịch vụ công thiết yếu; đấu thầu rộng rãi cung cấp các dịch vụ công có tính cạnh tranh.

Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ưu tiên nguồn lực thực hiện các mục tiêu đột phá, nhiệm vụ chính trị quan trọng được Đảng, Nhà nước quyết định, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng; dành nguồn phù hợp với khả năng cân đối NSNN để thực hiện điều chỉnh tiền lương khu vực công, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN bảo đảm), chính sách ưu đãi đối với người có công, bảo trợ xã hội.

Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, tuân thủ nghiêm nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, có lộ trình triển khai rõ ràng, dự kiến được kết quả thực hiện và trong phạm vi nguồn



lực NSNN đã được cơ quan tài chính cân đối, có ý kiến.

Trong đó, lưu ý một số nội dung như sau:

a) Dự toán chi đầu tư phát triển:

- Đối với chi đầu tư công:

Bám sát các mục tiêu, định hướng tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16; Nghị quyết số 26/2026/QH16, Nghị quyết số 27/2026/QH16, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 và số 120/2026/UBTVQH15, Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN, gắn với các yêu cầu và kết quả thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải đảm bảo về sự cần thiết, hạch toán KTXH, đánh giá hiệu quả đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch có liên quan và khả năng thực hiện, giải ngân khi đăng ký nhu cầu vốn đối với từng dự án, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ I, các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã có tác động lan tỏa, ý nghĩa quan trọng đối với phát triển KTXH của các địa phương được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030. Đảm bảo số lượng dự án giai đoạn 2026 - 2030 giảm tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với chi đầu tư phát triển khác:

Dự toán chi NSNN đầu tư vào các doanh nghiệp theo Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Dự toán chi tiền lương, phụ cấp các khoản đóng góp, chế độ, chính sách theo chính sách, chế độ năm 2027 và biên chế về bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp. Trong đó chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi bộ máy gắn với chi lương, chi hoạt động bộ máy, tinh giản biên chế.

c) Giảm dần hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở: (i) Các đơn vị nâng cao hơn nữa mức độ tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy; NSNN chỉ hỗ trợ chi thường xuyên theo phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 và 4, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; (ii) Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ chế từ hỗ trợ trực tiếp sang đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ là chủ yếu, (iii) Rà soát, thu gọn đầu

mỗi đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương, các kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ triển khai các Kết luận của Trung ương.

d) Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia:

Lập dự toán chi NSNN (đầu tư, thường xuyên) thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 và các quy định có liên quan; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp, sát khả năng thực hiện, giải ngân, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách.

đ) Dự toán chi viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho các nước từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch thỏa thuận, hợp tác hằng năm, hiệp định hợp tác song phương cùng các điều ước quốc tế Việt Nam tham gia, rõ hình thức viện trợ, rõ trách nhiệm các bên và kết quả dự kiến.

e) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Trung ương: Các sở, ngành cấp tỉnh, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

g) Khi lập dự toán đối với các nội dung tại điều 2 phần B này, cần cụ thể hóa mức NSNN bố trí cho chương trình, dự án, nội dung, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển văn hóa, chi công tác xây dựng pháp luật (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) theo chủ trương của Đảng, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về nội hàm phạm vi chi NSNN cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, chi tiết các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kinh phí tương ứng phục vụ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, xây dựng văn bản pháp luật, y tế, văn hóa.

i) Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Các sở, ngành, địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Năm 2027 là năm đầu tiên thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đầy đủ theo quy định của Luật NSNN. Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (NSĐP) được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2027 - 2030 và vốn đầu tư công giai

đoạn 2026 - 2030 theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài chính xây dựng, hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSDP năm 2027; phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài việc thực hiện nghiêm các yêu cầu tại điều 1, điều 2 phần B Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP năm 2027 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Đối với dự toán thu NSNN trên địa bàn, Sở Tài chính phối hợp cơ quan thuế, hải quan và các cơ quan liên quan tổ chức đánh giá sát tình hình thực hiện thu ngân sách năm 2026 và dự toán năm 2027, bám sát các chỉ tiêu được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các yêu cầu tại điều 1 phần B nêu trên.

b) Đối với dự toán chi NSDP, các địa phương căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách năm 2027; bám sát mục tiêu, định hướng của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030 và nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027 của địa phương; đồng thời, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách do trung ương và địa phương ban hành theo thẩm quyền, tổ chức xây dựng dự toán chi NSDP theo đúng quy định của Luật NSNN, bảo đảm cơ cấu chi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Trong đó, rà soát ưu tiên chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng pháp luật nhà nước, chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Kế hoạch, thông báo của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Đối với bội chi, vay và trả nợ NSDP, Sở Tài chính phối hợp các chủ đầu tư chỉ đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về quản lý nợ công và quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phải đánh giá toàn diện tác động của nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn trước khi quyết định vay mới. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch bố trí kế hoạch vốn năm 2027 cho các dự án đang triển khai, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan trung ương liên quan hoàn thiện thủ tục, ký kết hiệp định cho các dự án mới đã đủ điều kiện; xây dựng kế hoạch vay, bội chi phù hợp với khả năng giải ngân thực tế.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

1. Sở Tài chính:



a) Trong tháng 6 năm 2026, xây dựng hướng dẫn chi tiết Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027” của tỉnh gắn với phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các sở, ngành, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027” trình UBND tỉnh trong tháng 7 năm 2026, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 7 năm 2026, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Các sở, ngành và địa phương:

a) Xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, dự kiến các chỉ tiêu tăng trưởng ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm bám sát hệ thống chỉ tiêu tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương.

Đối với các dự án/đề án dự kiến đưa vào trong kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, cần bảo đảm tính khả thi, sự cần thiết, phù hợp với các định hướng, nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Bộ Chính trị; đồng thời phải có thời hạn dự kiến hoàn thành cụ thể và phân rõ vai trò các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện.

b) Dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên, các cơ quan trung ương theo tiến độ quy định. Gửi dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 đến Sở Tài chính **trước ngày 10/7/2026**.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2026 cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027

1. Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng Dự toán NSNN năm 2027 và Kế hoạch đầu tư công năm 2027 phù hợp với pháp luật NSNN, đầu tư công, pháp luật có liên quan và chủ trương của Đảng, Nhà nước về vấn đề tiền lương. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSDP năm 2027; phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu trình cấp có thẩm quyền xác định biên

chế công chức và số lượng viên chức hưởng lương từ NSNN năm 2027 của các sở, ngành và các địa phương gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy **trước ngày 15/7/2026** làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2027 gửi cơ quan tài chính các cấp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền.

UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, xây dựng dự toán NSNN năm 2027 theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./. ✓

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

Phụ lục I
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2026 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2027
 (Kèm theo Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Các chỉ tiêu do Thống kê tỉnh tính toán	Ghi chú
			Mục tiêu (*)	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
Nhóm các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 và Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND tỉnh									
A	CÁC CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU								
I	Kinh tế								
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành (GRDP)	Nghìn tỷ đồng	145.2				Sở Tài chính	X	
2	Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh	%	10.6				Sở Tài chính	X	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3.2				Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	19.3					X	
	+ Công nghiệp	%	21.3				Sở Công Thương	X	
	+ Xây dựng	%	17.6				Sở Xây dựng, các Sở, ngành liên quan	X	
	- Dịch vụ	%	8.3				Sở Công Thương, Sở VH-TT-DL, các Sở, ngành liên quan	X	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	90.4				Sở Tài chính	X	
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	8-10				Sở Khoa học và Công nghệ	X	
5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	13.000-14.000				Sở Tài chính		
6	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	95.000				Sở Tài chính	X	
II	Xã hội								
7	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	73.3				Sở Y tế	X	
8	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0.74				Thống kê tỉnh (phối hợp Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo)	X	
9	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Người	756.000				Thống kê tỉnh (phối hợp Sở Nội vụ)	X	
10	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75.0				Sở Nội vụ		
	- Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	33.0				Sở Nội vụ (phối hợp với Thống kê tỉnh)	X	
11	Số bác sĩ bình quân trên 1 vạn dân	Bác sĩ	11.8				Sở Y tế		
12	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	40.5				Sở Y tế		
13	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	96				Sở Y tế (phối hợp với Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Thống kê tỉnh)		
14	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	69				Sở Giáo dục và Đào tạo		
15	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	1-1,5				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
16	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh								
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	82				Sở Xây dựng		
	- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	68				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	10				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
III	Môi trường								
18	Tỷ lệ che phủ rừng	%	61				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	98.2				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
20	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100.0				Sở Y tế		
21	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95.3				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
22	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	50.0				Ban Quản lý Khu Kinh tế		
IV	Quốc phòng, an ninh								
23	Xã, phường, đặc khu đạt vững mạnh toàn diện về quốc phòng	%	100				BCH Quân sự tỉnh		
24	Giảm tội phạm về trật tự xã hội	%	10				Công an tỉnh		Chỉ tiêu Bộ Công an giao
B	CÁC CHỈ TIÊU KT-XH KHÁC								
1	Cơ cấu kinh tế	%	100.0				Thống kê tỉnh	X	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	16.8						

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Các chỉ tiêu do Thống kê tỉnh tính toán	Ghi chú
			Mục tiêu (*)	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
	- Công nghiệp và xây dựng (gồm thuế, trợ cấp SP)	%	32.1						
	- Dịch vụ	%	47.5						
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	3.6						
2	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	65.4				Sở Tài chính	X	
3	Dân số trung bình	Nghìn người	1.605.1				Thống kê tỉnh	X	
4	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế	%	100.0				Sở Nội vụ	X	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	33.6						
	- Công nghiệp và xây dựng	%	25.0						
	- Dịch vụ	%	41.4						
5	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2.6				Sở Nội vụ	X	
6	Năng suất lao động theo giá hiện hành	Triệu đồng	192				Sở Nội vụ	X	
7	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Nghìn đồng	4.952				Thống kê tỉnh	X	
8	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động	%	52				BHXX tỉnh		
9	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	65				Sở Khoa học và Công nghệ		
10	Sản lượng thủy sản	Ngàn tấn	143				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
11	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	18				Sở Công Thương	x	Cập nhật điều chỉnh
12	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	5.932				Sở Công Thương		
13	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	12.7				Sở Công Thương		Cập nhật điều chỉnh
14	Số lượt khách du lịch	Triệu lượt	10.5				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
15	Thu hút vốn đầu tư								
	- Thu hút đầu tư ODA	Triệu USD	11				Sở Tài chính		
	- Viện trợ NGO	Triệu USD	15				Sở Tài chính		
	- Thu hút đầu tư FDI	Triệu USD	100				Sở Tài chính		
16	Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế	Doanh nghiệp	10.900				Sở Tài chính		
17	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	32				Sở Khoa học và Công nghệ		
18	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành giai đoạn 2025 - 2030	Căn hộ	788				Sở Xây dựng		
19	Số di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt	Di tích	1				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
Nhóm các chỉ tiêu được giao bổ sung theo Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội									
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm. Trong đó:								
	- Công nghiệp								
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	9.85				Sở Công Thương	X	
	Khu vực dịch vụ								
	Trong đó:								
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	9.5				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Sở Công Thương	X	
	- Vận tải, kho bãi	%	9.92				Sở Xây dựng	X	
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13.49				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X	
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	7.69				Sở Tài chính	X	
	- Khoa học và Công nghệ	%	8.73				Sở Khoa học và Công nghệ	X	
2	GRDP bình quân đầu người	USD	3.545				Sở Tài chính	X	
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	7.75				Sở Công Thương	X	
4	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	275				Sở Công Thương	X	
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	10.6				Chi cục Hải quan Khu vực IX, Sở Công Thương		
	Trong đó: Nhóm nông, lâm, thủy sản	%	7-8						
	Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo	%	10-11						
	Nhóm nhiên liệu, khoáng sản	%	3-4						

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Các chỉ tiêu do Thống kê tỉnh tính toán	Ghi chú
			Mục tiêu (*)	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		(6)	(7)	
6	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%	10.6				Chi cục Hải quan Khu vực IX, Sở Công Thương		
7	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	2				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
8	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam đến năm 2030	Triệu lượt	0.5				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
9	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	14.11				Thống kê tỉnh	X	
10	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	09-10				Sở Công Thương		
11	Tỷ lệ đô thị hoá	%	33.2						
VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI									
12	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội trên địa bàn	%	33.6				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
13	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	50				Sở Giáo dục và Đào tạo		
14	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	21				Sở Giáo dục và Đào tạo		
15	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	30				Sở Giáo dục và Đào tạo		
16	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%	100				Sở Y tế		
VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU									
17	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	15-20				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
18	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	70				Sở Nông nghiệp và Môi trường		
19	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	30-40				Sở Công Thương		

Ghi chú: Mục tiêu theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND tỉnh về điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026

Phụ lục II

DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN QUAN TRỌNG, TRỌNG ĐIỂM NĂM 2027

(Kèm theo Chỉ thị số 08 /CT-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN